

ĐỊNH HƯỚNG CẢI THIỆN CHỈ SỐ CẠNH TRANH CẤP TỈNH NINH THUẬN DỰA VÀO BỘ PCI MỚI

● Hoàng Mạnh Dũng^{1*} ● Trương Văn Tiến²

¹Trường đại học Hùng Vương TP.HCM

²Sở Kế hoạch Đầu tư Ninh Thuận

TÓM TẮT

Bộ PCI mới là sự phản ánh khách quan, trung thực về kết quả đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp trong mối quan hệ tương tác với chính quyền địa phương, thể hiện ở 141 chỉ tiêu và 10 chỉ số thành phần. Bộ PCI mới được áp dụng từ năm 2021 (PCI 2021). Sự thay đổi ảnh hưởng rất lớn đến kết quả xếp hạng nhất là các tỉnh, thành trên phạm vi cả nước. Kết quả PCI năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận đạt 62.23 điểm, giảm 1.21 điểm, giảm thứ hạng 17 bậc so với năm 2020, xếp thứ 49/63 tỉnh, thành phố. Do vậy rất cần được đánh giá và định hướng cải thiện PCI của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025 dựa trên bộ chỉ tiêu mới đề ra.

Từ khóa: chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tỉnh Ninh Thuận; cải thiện PCI của tỉnh Ninh Thuận

ORIENTATION TO IMPROVE THE COMPETITIVENESS INDEX OF NINH THUAN PROVINCE BASED ON THE NEW PCI

● Hoang Manh Dung ● Truong Van Tien

ABSTRACT

The new PCI is an objective and honest reflection of the assessment results of the business community in the interaction relationship with local authorities, expressed in 141 parameters and 10 groups of indicators. This new PCI set is in place from 2021 (PCI 2021). Due to this change, it greatly affects the results of the ranking of provinces and cities. The result of PCI 2021 of Ninh Thuan province reached 62.23 points, down 1.21 points, down 17 ranks compared to 2020, ranked 49/63 provinces and cities. Therefore, it is necessary to evaluate and orient the improvement of PCI of Ninh Thuan province to 2025 based on the new set of PCI.

Keywords: provincial competitiveness index, Ninh Thuan province, improve the PCI of Ninh Thuan province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhằm cải thiện và nâng cao môi trường đầu tư, kinh doanh cũng như cung cấp nền tảng khi lựa chọn đầu tư tại Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng sự trợ giúp của Cơ quan hợp tác Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã đưa ra Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI - Provincial Competitiveness Index). Bộ PCI được đưa vào thí điểm từ năm 2005. Lần điều chỉnh đầu tiên về phương pháp luận PCI vào năm 2017. VCCI tiếp tục điều chỉnh phương pháp luận lần hai để đánh giá PCI cho 63 tỉnh, thành vào năm 2021. Áp dụng PCI mới vào tỉnh Ninh Thuận đạt 62.23 điểm, giảm 1.21 điểm, giảm thứ hạng 17 bậc so với năm 2020, xếp thứ 49/63 tỉnh,

* Tác giả liên hệ: TS. Hoàng Mạnh Dũng, Email: dunghm@tdmu.edu.vn

(Ngày nhận bài: 10/10/2022; Ngày nhận bản sửa: 10/11/2022; Ngày duyệt đăng: 16/11/2022).

thành phố và nằm trong nhóm các tỉnh có kết quả điều hành kinh tế loại trung bình. Vì thế, cải thiện PCI của tỉnh Ninh Thuận là hoạt động tất yếu từ khi bộ PCI mới ra đời.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Khái niệm về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và lý thuyết có liên quan

2.1.1. Khái niệm về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Theo M. Porter [1] định nghĩa: “Năng lực cạnh tranh (NLCT) chỉ có nghĩa khi xem xét ở cấp độ quốc gia là năng suất. Điều đó cho thấy năng suất càng lớn dẫn đến NLCT của quốc gia càng mạnh”. Theo V.H. Dũng[2], PCI được gọi là chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, bắt nguồn từ các khảo sát nghiên cứu về thực tiễn tốt trong điều hành của chính quyền địa phương. Sự mở rộng là tìm cách đo lường năng lực điều hành qua các chỉ số thành phần. Trong mỗi chỉ số thành phần có nhiều chỉ tiêu. Theo P.N. Thanh [3], “NLCT cấp tỉnh là khả năng giành đua nhằm thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở lợi thế của tỉnh, thành trong mối quan hệ liên kết với các địa phương khác trong phạm vi quốc gia”. Theo T.T.T. Xuân [4], “NLCT cấp tỉnh là thực hiện tốt các chỉ tiêu dựa trên những nguồn lực sẵn có và khắc phục những bất lợi. Mỗi địa phương sẽ có những chính sách và bước đi phù hợp với điều kiện cụ thể trong thu hút vốn đầu tư và xây dựng doanh nghiệp (DN) tư nhân phát triển. Tăng trưởng kinh tế - xã hội theo những mục tiêu đã định là NLCT của tỉnh đó”.

2.1.2. Lý thuyết về năng lực cạnh tranh

NLCT theo quan điểm của lý thuyết cạnh tranh cổ điển, A. Smith [5] với tư tưởng tự do kinh tế với nòng cốt là tự do cạnh tranh. Ông cho rằng cạnh tranh có thể phối hợp nhịp nhàng và hữu ích cho xã hội. Vì sự cạnh tranh trong quá trình tạo ra của cải quốc dân tăng lên diễn ra thông qua thị trường và giá cả. Do đó, cạnh tranh có quan hệ chặt chẽ với cơ chế thị trường. Theo D. Ricardo [6] với tác phẩm “Những nguyên lý của kinh tế chính trị và thuế khoá” đã phát triển thành lý thuyết về lợi thế so sánh. Lý thuyết này cho rằng một quốc gia sẽ xuất khẩu những mặt hàng mà quốc gia đó sản xuất với hiệu quả cao hơn một cách tương đối so với quốc gia kia. A. Smith và D. Ricardo chỉ rõ giá trị - giá trị sử dụng hàng hóa quyết định đến NLCT của hàng hóa. Dẫn theo T.T.T. Xuân [4], NLCT theo quan điểm của lý thuyết cạnh tranh hiện đại nêu ra: “NLCT mang tính tương đối chứ không tuyệt đối. Nó phụ thuộc vào các giá trị của người tiêu dùng và các cổ đông: sức mạnh tài chính, nhân tố quyết định khả năng hành động và phản ứng lại trong một môi trường cạnh tranh. Tiềm năng của con người và công nghệ trong việc thực hiện những thay đổi mang tính chiến lược cần thiết”.

2.2. Chỉ số thành phần của PCI điều chỉnh vào năm 2021

Chỉ số PCI 2021 bao gồm 10 chỉ số thành phần (CSTP) sau:

- (1) Chi phí gia nhập thị trường (gọi tắt là CSTP1);
- (2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất (gọi tắt là CSTP2);
- (3) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (gọi tắt là CSTP3);
- (4) Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước (gọi tắt là CSTP4);
- (5) Chi phí không chính thức (gọi tắt là CSTP5);
- (6) Cạnh tranh bình đẳng (gọi tắt là CSTP6);
- (7) Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (gọi tắt là CSTP7);
- (8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (gọi tắt là CSTP8);
- (9) Đào tạo lao động (gọi tắt là CSTP9);
- (10) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (gọi tắt là CSTP10) [7].

Theo T. Hòa [8], những điều chỉnh về phương pháp luận lần hai vào năm 2021 liên quan đến các

chỉ tiêu mới (CTM) về CSTEP6 và CSTEP8; bổ sung thêm nội dung đánh giá về thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện tại CSTEP1; bổ sung các nội dung liên quan đến giải quyết thủ tục trực tuyến trong CSTEP4. Số chỉ tiêu mới được bổ sung vào PCI2021 là 56. Số chỉ tiêu từ giai đoạn PCI 2017-2020 được điều chỉnh trong PCI 2021 là 8 chỉ tiêu. Số chỉ tiêu cũ trong giai đoạn PCI 2017-2020 bị loại bỏ là 52. Trong khi đó, 77 chỉ tiêu của giai đoạn trước vẫn được giữ như cũ trong PCI 2021. Tính chung, tổng số chỉ tiêu của PCI 2021 là 141 chỉ tiêu.

3. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp nghiên cứu: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Theo J. Creswell [9], nghiên cứu định tính mang ý nghĩa khám phá, tìm hiểu rõ hơn thông qua suy diễn và qui nạp.

3.2 Dữ liệu phân tích: Dữ liệu được sử dụng là nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của VCCI vào các năm 2020, 2021 trên website <https://pcivietnam.vn/ho-so-tinh/ninh-thuan>.

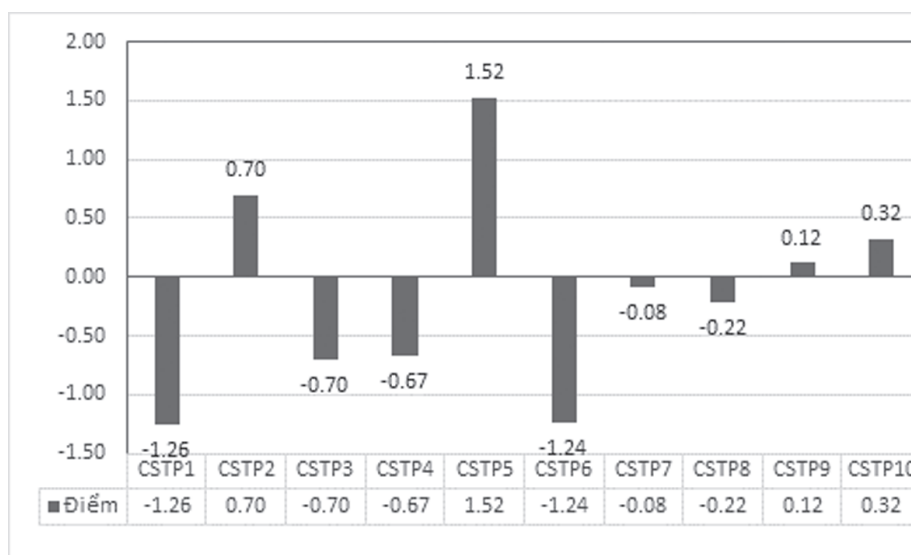
4. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ ĐỐI VỚI CÁC CHỈ TIÊU MỚI THUỘC PCI 2021 CỦA TỈNH NINH THUẬN

Năm 2021, theo UBND tỉnh Ninh Thuận [10], VCCI đã gửi 466 phiếu khảo sát; nhận về 144 ý kiến phản hồi của DN (đạt 30.9%); trong đó có 35 DN mới thành lập. Ngày 27/4/2022, VCCI đã công bố báo cáo PCI 2021 [11] dựa trên khảo sát gần 11,312 doanh nghiệp (hơn 10.127 DN tư nhân và 1,185 DN có vốn đầu tư nước ngoài - FDI).

4.1. Kết quả PCI năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận

Bảng 1. So sánh kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2021 với PCI 2020 [11]

TT	Chỉ số thành phần	Trọng số	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/giảm	
			Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng
1	CSTEP1	05	8.54	08	7.28	15	- 1.26	- 07
2	CSTEP2	05	6.17	52	6.87	43	+ 0.70	+ 09
3	CSTEP3	20	6.17	18	5.47	48	- 0.70	- 30
4	CSTEP4	05	7.70	33	7.03	43	- 0.67	- 10
5	CSTEP5	10	6.87	21	8.39	01	+ 1.52	+ 20
6	CSTEP6	05	6.43	37	5.19	55	- 1.24	- 18
7	CSTEP7	05	6.85	16	6.77	35	- 0.08	- 19
8	CSTEP8	20	5.29	55	5.07	61	- 0.22	- 06
9	CSTEP9	20	6.06	46	6.18	23	+ 0.12	+ 23
10	CSTEP10	05	7.38	11	7.70	10	+ 0.32	+ 01
Điểm PCI			63.44	32	62.23	49	- 1.21	- 17



Hình 1. Phân nhóm các chỉ số thành phần PCI năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận (tổng hợp từ dữ liệu)

4.2. Kết quả PCI 2021 thuộc nhóm các chỉ số thành phần tăng điểm số và thứ hạng

Bảng 2. Kết quả các chỉ tiêu mới thuộc nhóm các chỉ số thành phần tăng điểm số và thứ hạng [11]

CSTP	Chỉ tiêu mới	Điểm 2021	Xếp hạng so với cả nước
CSTP5	Tỷ lệ DN trả chi phí không chính thức (CPKCT) khi thực hiện thủ tục ĐKDN/sửa đổi ĐKDN (%)	19	34
	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện	56	17
	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy (%)	20	13
	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	20	13
	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường	15	03
	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế	9	01
	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng	33	03
CSTP2	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)	73	54
	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	27	44
	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%)	55	60

	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC về đất đai	54	36
CSTP10	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được	83	15
	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được	74	20
CSTP9	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	92	02
	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	69	01
	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	47	05
	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	32.16	63
	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	5.89	44

4.3. Kết quả PCI 2021 về nhóm các chỉ số thành phần giảm điểm số và thứ hạng

Bảng 3. Kết quả các chỉ tiêu mới thuộc nhóm các chỉ số thành phần giảm điểm số và thứ hạng [11]

CSTP	Chỉ tiêu mới	2021	Xếp hạng so với cả nước
CSTP1	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký DN từ 2 lần trở lên (%)	25	55
	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của DN được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký DN	79	10
	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	67	12
	DN không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	56	07
	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định	70	11
	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định	52	19
	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật	50	19

	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký DN (%)	13	55
	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký DN (%)	8	27
	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	19	21
CSTP6	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của DN cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (%)	82	13
	Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các DN lớn so với DN nhỏ và vừa trong nước (%)	72	62
	Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các DN lớn hơn là phát triển DN nhỏ và vừa trong nước (%)	35	21
	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các DN lớn	19	10
	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các DN lớn	20	30
	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các DN lớn (%)	13	19
	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các DN lớn (%)	15	49
	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các DN lớn (%)	19	28
	Miễn, giảm thuế thu nhập DN là đặc quyền dành cho các DN lớn (%)	16	29
CSTP3	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư là hữu ích (%)	55	8
	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (%)	66	37
	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản chỉ đạo điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích	52	24
	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (%)	57	34
	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp DN giảm được số thuế phải nộp (%)	52	54
	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh	25	56

CSTP4	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (%)	32	61
	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (%)	31	62
	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (%)	32	61
CSTP8	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DN nhỏ và vừa dễ thực hiện	56	61
	Thủ tục để được chính quyền nhà nước (CQNN) hỗ trợ tăng cường năng lực DN để thực hiện (%)	46	62
	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm công nghiệp là dễ thực hiện (%)	50	61
	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	50	62
	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	49	63
	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị DN để thực hiện (%)	50	62
	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (%)	49	62
	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các hiệp định thương mại tự do (FTAs) của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của DN	26	38
	Vướng mắc trong thực hiện văn bản thực thi FTAs được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả	56	48
	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội của các FTAs	10	59
	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi	78	29
CSTP7	Chủ trương, chính sách của tỉnh đối với việc tạo thuận lợi cho DN hoạt động là ổn định và nhất quán	38	60
	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo tỉnh đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh	77	13

4.4. Phân tích kết quả đối với chỉ tiêu mới thuộc PCI 2021 của tỉnh Ninh Thuận

4.4.1 Đối với các chỉ số thành phần PCI 2021 với kết quả tăng điểm và tăng hạng

Theo Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận [12], Ninh Thuận có tổng diện tích tự nhiên

3,358.3 km², nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26 - 27°C. Thời tiết có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 11; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 8 năm sau. Nguồn nước ở Ninh Thuận phân bố không đều. Nguồn nước ngầm chỉ bằng 1/3 mức bình quân cả nước. Từ những điều kiện tự nhiên trên khiến tỉnh luôn là địa phương ít hấp dẫn trong kêu gọi đầu tư trong cũng như ngoài nước. Dân số năm 2022 là 579,710 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 58.2%. Về cơ cấu kinh tế (GRDP) năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 30.02%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35.96%; khu vực dịch vụ chiếm 28.15%; thuế sản phẩm chiếm 5.87%. GRDP bình quân đầu người năm 2021 xếp hạng 47/63 tỉnh, thành. Khi các tỉnh, thành khác đã cạn dần quỹ đất dùng kêu gọi đầu tư nên giúp tỉnh tạo ra các CSTP tăng điểm và hạng. Tỉnh cần tận dụng lợi thế này thông qua hoàn thiện các quy hoạch phát triển nhanh, xanh và bền vững. Tỉnh quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tỉnh tập trung khai thác “biển xanh, cát trắng, nắng vàng” để phát triển du lịch; tận dụng nắng, gió làm năng lượng sạch. Tỉnh ưu tiên liên kết chuỗi trong vùng khi hình thành các khu kinh tế cùng các dự án phát triển.

4.4.2 .Đối với các chỉ số thành phần PCI 2021 với kết quả giảm điểm và hạng

(1) Chưa kiểm soát tốt tình hình phát triển của dịch bệnh Covid-19: Với bối cảnh phát triển nhanh, sự cạnh tranh giữa các địa phương ngày càng khốc liệt. Tỉnh, thành nào tận dụng được tiềm năng lợi thế sẽ phát triển tốt với tư duy “biết biến nguy thành cơ”.

(2) Chưa theo kịp sự thay đổi các chỉ tiêu mới càng khiến cho các tỉnh, thành ở tốp trung bình và dưới càng lâm vào thế khó. Địa phương nào đứng yên hoặc chậm cải cách đồng nghĩa càng thụt lùi và dễ bị bỏ lại phía sau.

(3) Chưa phát huy đầy đủ vai trò của Tổ giúp việc cho Chủ tịch UBND tỉnh nhằm tháo gỡ kịp thời khó khăn cho DN. Tổ này giúp tổng hợp các ý kiến từ các DN và trực tiếp hướng dẫn các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, cũng như chỉ thị kịp thời cho các cơ quan hữu trách giải quyết các vướng mắc từ DN phản ánh.

(4) Chất lượng phục vụ, nhận thức và năng lực của từng cán bộ, công chức trong cơ quan công quyền theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả chưa theo kịp với sự thay đổi của bối cảnh. Cải cách hành chính luôn là động lực, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và là mục tiêu theo đuổi đến 2025 của tỉnh.

(5) Chưa triển khai nhiều mô hình, sáng kiến, giải pháp mới và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của địa phương như “Hợp mặt DN với nhiều hình thức đa dạng”; giảm tỷ lệ thời gian của các cuộc họp để đi cơ sở; đưa vào hoạt động Tổng đài thông tin dịch vụ công 1022 trong nỗ lực xây dựng chính quyền kiến tạo và phục vụ.

(6) Chưa tăng cường hỗ trợ cộng đồng DN bằng cách tiếp tục quảng bá, mở rộng thị trường, tạo dựng uy tín với người tiêu dùng trên cả nước như “Tuần lễ bán hàng đặc sản của Ninh Thuận”; “Tuần lễ ẩm thực đặc trưng của Ninh Thuận”; “Tháng du lịch biển - đảo tại tỉnh Ninh Thuận với những khuyến mãi độc đáo”,... tại các địa phương lớn của cả nước.

(7) Chưa tập trung nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tăng cường thông tin tuyên truyền. Tỉnh cần thực hiện công khai kịp thời, đầy đủ các thông tin, chính sách, quy định, quy hoạch..., đảm bảo đầy đủ các thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử, hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

5. CÁC ĐỊNH HƯỚNG CẢI THIỆN PCI 2021 CỦA TỈNH NINH THUẬN ĐẾN NĂM 2025

- Tỉnh cần chủ động thích nghi với trạng thái “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Tỉnh kiên quyết thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ, kiểm soát các

trường hợp nguy cơ cao, chuyển nặng, tử vong; tiếp tục thực hiện nghiêm và linh hoạt, hiệu quả công thức “5K + Vaccine + Thuốc điều trị + Công nghệ + Đề cao ý thức người dân và các biện pháp linh hoạt khác”.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc cải thiện, nâng cao chỉ số PCI 2021 đối với sự phát triển của DN. Qua đó thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển nhanh, xanh và bền vững về kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Thuận.

- Tập trung cải thiện các chỉ số thành phần có thứ hạng còn thấp và các chỉ số thành phần có trọng số cao như: Chính sách hỗ trợ DN (20%), Tính minh bạch (20%), Đào tạo lao động (20%), Cạnh tranh bình đẳng (5%), Chi phí thời gian (5%).

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, hướng tới chính quyền số, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và DN của các cấp chính quyền. Cải tiến tích cực quá trình thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để nâng cao tính công khai minh bạch, tiết kiệm chi phí cho người dân, DN.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối thoại giữa chính quyền với DN ở các cấp, ngành từ tỉnh đến cơ sở; đa dạng hóa các hình thức đối thoại, tiếp xúc DN trên các nền tảng số (Zalo, Viber); chủ động tiếp thu, nắm bắt nhanh các khó khăn, vướng mắc của DN, nhà đầu tư để có giải pháp kịp thời.

- Tập trung hoàn thành trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh, tích hợp đầy đủ các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và định hướng phát triển các ngành lĩnh vực đảm bảo đồng bộ, phù hợp với thực tiễn, tạo thuận lợi cho DN tiếp cận, xây dựng phương án đầu tư, kinh doanh. Tỉnh tập trung khai thác “biển xanh, cát trắng, nắng vàng” để phát triển du lịch biển; tận dụng nắng, gió làm năng lượng sạch.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, đa dạng hình thức xúc tiến đầu tư. Tỉnh chú ý phát triển chuỗi sản xuất công nghiệp, hài hòa với phát triển nông nghiệp, công nghiệp năng lượng và du lịch biển. Các Sở, ban ngành thuộc tỉnh tiếp tục quảng bá, mở rộng thị trường, tạo dựng uy tín với người tiêu dùng trên cả nước về đặc sản của tỉnh Ninh Thuận.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ DN theo Luật hỗ trợ DN nhỏ và vừa; triển khai hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định 277/QĐ-TTg ngày 25 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung hành động đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

6. KẾT LUẬN

Sự điều chỉnh các chỉ tiêu mới trong PCI 2021 phản ánh sự chuyển động của môi trường kinh doanh, sự thay đổi của chính sách, pháp luật cũng như sự phát triển của cộng đồng DN tại Việt Nam. Mục đích nhằm đem lại những phân tích có giá trị và toàn diện về môi trường kinh doanh cũng như về chất lượng điều hành kinh tế. Nghiên cứu cung cấp những khuyến nghị góp phần phát triển kinh tế tại địa phương thông qua sự thay đổi của các chỉ tiêu mới, điều chỉnh và loại bỏ các chỉ tiêu cũ xét không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay. Những định hướng cải thiện PCI 2021 tạo cơ sở thực hiện thành công Chương trình hành động của UBND tỉnh Ninh Thuận về nâng cao chỉ số PCI đến năm 2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] M.Porter, *Lợi thế cạnh tranh quốc gia*, NXB Trẻ thành phố Hồ Chí Minh, 2009.
- [2] V. Dũng, “Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đồng bằng Sông Cửu Long,” *Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, Số 6 (2) 2011, pp. 49 - 55, 2011.
- [3] P. Thanh, “*Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Hải Dương*,” Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2010.
- [4] T. Xuân, “*Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh cho tỉnh Bắc Giang*,” Luận án Tiến sĩ. Trường đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên, 2018.
- [5] A. Smith, *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations*, Smith’s work, Methuen and Co., Ltd., 1776.
- [6] D. Ricardo, *On the Principles of Political Economy and Taxation*, Cambridge: Cambridge University Press., 1817.
- [7] VCCI, Thông tin chung, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hà Nội, nd.
- [8] T. Hòa, “Kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2021,” *Tạp chí con số và sự kiện*, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư – ISSN 2734 -9144, 2022.
- [9] J. Creswell, *Qualitative inquiry and research design: Choosing among five approaches (2nd ed.)*, Thousand Oaks, CA: Sage, 2007.
- [10] Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Báo cáo kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và một số giải pháp trọng tâm 2022, Ninh Thuận, 2022.
- [11] VCCI, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Việt Nam PCI 2021, <https://pcivietnam.vn/an-pham/bao-cao-pci-2021-ct202>, Hà Nội, 2022.
- [12] Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận, Điều kiện tự nhiên và xã hội, <https://ninhthuan.gov.vn/portal/Pages/Dieu-kien-tu-nhien-va-xa-hoi-.aspx>, 2022.